

Số: 04/2025/QĐCNTTLH

Mai Sơn, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Lương Đình D và chị Lò Thị T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn yêu cầu đề ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của anh Lương Đình D và chị Lò Thị T;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 6 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người yêu cầu:* Anh Lương Đình D, sinh năm 1992, Số căn cước công dân: 00, ngày cấp: 06/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và chị Lò Thị T, sinh năm 1992, Số căn cước công dân: 01, ngày cấp: 31/3/2025, nơi cấp: Bộ Công an. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Tiểu khu A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu A, xã C, tỉnh Sơn La).

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 6 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Đình D và chị Lò Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Anh D, chị T có 02 con chung là các cháu Lương Thế V, sinh ngày 18/10/2012 và Lương Gia H, sinh ngày 04/9/2017. Anh D, chị T thống nhất giao cả hai cháu Lương Thế V và Lương Gia H cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu V, H trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D chưa có yêu cầu.

Anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

- Về các vấn đề khác: Không có

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các bên tham gia hòa giải;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy